

010083

Scam
Ng (Chen Kham)

Hebr
FILE
DATE 1948
SUBJ. V. Minh
SUB-CAT

Famjxuen Thals

VIỆT-NGỮ CẢI-CÁCH

Giấy phép xuất-bản
số 518. ngày 31 Mars 1948



GIÁ: 4 đồng

Nhà xuất - bản
TUQSHAIF
Hanoi 131 Lagrandière Saigon

Prop. NHAI
Private Library

Tác-giả
PHẠM-XUÂN-THÁI

VIỆT - NGỮ —— CẢI - CÁCH



NHÀ XUẤT-BẢN
TUQSHAI

22 Delorme Hanoi 131 Lagrandière Saigon

Copyright 1948 by
TUQSHAIF FAMJ XUEN THAIS.

VIỆT-NGŨ GẢI-CÁCH

Lời nói là tiên-biểu của ý-tưởng, còn chữ viết là sự ghi-chép hay phiên-âm của lời nói. Mỗi dân-tộc trong thế-giới đều có phương-pháp phiên-âm riêng. Một dân-tộc lạc-hậu, ngôn-ngữ còn nghèo-nản, thì chữ viết tuy chưa được hoàn-bị, cũng không gặp nhiều trở-ngại. Nhưng một dân-tộc văn-minh, ngôn-ngữ phong-phú, chữ viết là một vấn-đề quan-hệ, nếu cách phiên-âm lời nói chưa được hợp-lý thì gặp phải nhiều sự khó-khẩn phiên-phức.

Nhất là hiện nay, các dân-tộc không còn sống trong cảnh «bế-quan tỏa-cảng» mà phải tiếp-xúc với các dân-tộc khác trong các phương-diện như chánh-trị, thương-mãi, kinh-tế, văn-hóa vãn vãn.... chữ viết lại càng can-hệ và cần phải hợp-lý hơn. Có những trường-hợp

đặc-biệt như chữ Trung-hoa và chữ Anh. Tuy hai thứ chữ ấy rất phiền-phức, mà lại có nhiều người biết hơn các thứ chữ khác. Nguyên-do là hai nước ấy có nhiều thuộc-quốc trong dĩ-vãng và hiện-tại, và nền thương-mãi của họ rất phồn-thịnh. Dầu vậy, phần đông những người biết hai thứ chữ ấy, chỉ biết một cách thiển-cận, còn biết mà có thể đọc sách để hiểu tư-tưởng của một dân-tộc khác thì rất hiếm. Vì thế bác-sĩ ZAMENHOF đã đặt một thứ tiếng riêng, đặt tên là ESPERANTO, có ý-nghĩa là một người có hy-vọng khắp thế-giới sẽ nói thứ tiếng đó, để có thể hiểu lẫn nhau mà đi đến chỗ "thế-giới đại-dồng". Nhưng muốn học thứ tiếng đó trong một thời-gian ngắn mà đã có thể dùng ngay được, cần phải biết ít nhất là một thứ tiếng Âu-châu, như tiếng Anh tiếng Pháp chẳng hạn. Cho nên hiện nay mới có độ một triệu người biết tiếng Esperanto, trong khi đã có hàng trăm triệu người biết chữ Anh hay chữ Trung-hoa. Cái mộng của bác-sĩ Zamenhof không biết có thực-hiện được không?

Tiếng Việt-Nam được may-mắn là một thứ tiếng đơn-âm, có nhạc-điệu, văn-pháp giản-dị, học rất mau chóng, nên chữ Việt-Nam cần phải phiên-âm hợp-lý như chữ Esperanto, để hy-vọng một ngày kia thành một thứ ngôn-ngữ có nhiều người biết.

Chữ Việt-Nam hiện giờ còn nhiều chỗ khuyết-điểm, nhất là các dấu rất bất-tiện, dễ lẫn-lẫn. Những chữ in, đánh máy hay đánh điện tín, thường có những sự lẫn-lẫn buồn cười, như hà-lạc thành hả lả, thắng-lợi thành ra thắng lối, hối-lộ thành hơi lo vân vân... Các dấu tách riêng khỏi chữ, nên thường bị bỏ quên hay hiểu lầm, vì người ta cho chữ là quan-hệ, còn cái dấu là phần phụ-thuộc, không quan-hệ mấy. Vậy phải viết dấu liền «sau chữ», để đem nó lên địa-vị quan-trọng.

Về phương-diện nhanh chóng, viết lối cũ chậm hơn nhiều, vì sau khi viết xong chữ lại phải lùi bút lại đánh dấu, rồi mới đưa bút đi tới để viết chữ sau, thành ra chậm đã bút. Dấu mới bao giờ cũng đứng liền sau chữ, nên tiện đã đưa bút, đỡ được nhiều thì-giờ vô-ích; Viết một trương giấy bằng dấu mới mau hơn viết một trương bằng dấu cũ một phần ba thì-giờ.

Đã dùng quen các dấu cũ, nay muốn thay các dấu mới, cần phải dùng dấu nào có thể gợi ý, các dấu cũ để giúp những người dùng quen các dấu cũ được mau quen các dấu mới.

- 1) Dấu sắc (´) thay bằng chữ S vì chữ S gợi ý dấu sắc cũ. Ví dụ: hans(hán)
- 2) Dấu nặng (˘) thay bằng chữ J, vì chữ J có dấu chấm gợi ý dấu nặng cũ. Ví dụ: langj (lạng).

Không thể dùng chữ N để gọi dấu nặng, vì chữ N dùng làm dấu đi liền với chữ chính, có khi làm người ta hiểu lầm. Ví dụ: chữ lạ, nếu viết là «lan» có thể đọc là lan, nhưng viết «laj», không thể đọc làm ra chữ khác.

3.- Dấu hỏi (?) thay bằng chữ F vì dấu này gọi hình dấu hỏi cũ. Ví dụ: hoả (hoà).

4.- Dấu ngã (~) thay bằng chữ W vì dấu này gọi hình dấu ngã cũ. Ví dụ: maw (mã).

5.- Dấu huyền (ˇ) thay bằng chữ B vì chữ B gợi ý chữ bình, bằng tức là dấu huyền trong bốn dấu của chữ Hán. Không thể dùng chữ H để gợi ý chữ huyền, vì chữ H dùng làm dấu, đi liền với chữ chính, có khi làm người ta hiểu lầm. Ví dụ chữ hàn, nếu viết «hanh» có thể đọc là hanh, nhưng nếu viết là hanb không thể đọc làm ra chữ khác, vì trong tiếng Việt, không có chữ nào có chữ b đứng sau cả.

Có người bàn nên dùng những chữ Hy-lạp để làm năm dấu của tiếng Việt, lấy cơ rằng dùng những chữ trong mẫu-âm Việt-ngữ để làm dấu, khiến cho khi đọc bị hớ-ngớ. Nhưng xét ra chỉ hớ-ngớ mấy lần đầu

thời, về sau sẽ quen ngay. Và lại phải cần dùng những dấu nào tiện-lợi cho việc ăn-loát, đánh điện-tin, đánh máy chữ, vì dùng những dấu lạ đặc-biệt lại phải làm máy đánh chữ và đúc chữ đặc-biệt. Trên trường quốc-tế, điều này là một sự trở-ngại lớn vì ta cần phải dung-hoà, thích-ứng với mọi điều sẵn có.

NHỮNG CHỮ CẦN PHẢI CẢI-CÁCH

TỰ - ÂM

C thay: 1) K trong những chữ như kêu v.v.. viết cequ.

2) Q. Ví dụ: Cuoqcs (quốc); Coan (quan)

Bỏ h sau cùng đi liền với êc, ic.

Ví dụ: thics (thích); xeqcs (xếch)

D thay đ ví dụ: duqa (đưa)

F thay ph để bớt được một chữ. Ví dụ: fai (phai)

G bỏ h để bớt đi một chữ vô-ích. Ví dụ: geq (ghê).

K thay kh. Ví dụ: kang (khang).

NG bỏ h trong ngh. Ví dụ: nge (nghe)

Q không dùng làm tự-âm nữa, chỉ dùng liền với các mẫu-âm a, e, o, u, để làm thành ă, ê, ô, ư.

UCE thay ƯƠ. Ví dụ: uœcs (ước) chứ

không viết uqoecs.

Y: 1) chỉ dùng khi đứng một mình như y. Vì mỹ-thuật nên không dùng (i) khi đứng một mình, cũng như (i) trong tiếng Anh, khi đứng một mình bao giờ cũng phải viết hoa.

2) Không dùng y trong những chữ chỉ có y là mẫu-âm. Ví dụ: li, mi.

Bao giờ cũng phải viết (i) chứ không thể thay bằng y.

3) Trong những chữ có nhiều mẫu-âm, chỉ dùng (y) khi nào (y) hiệp với mẫu-âm nào mà phát-âm khác với (i) khi hiệp với mẫu-âm ấy. Ví dụ: tuy, chuy. Nếu viết: tui, chui, sẽ đọc khác.

Z thay d. Ví dụ: zang (dang).

MẪU - ÂM

Œ thay ơ, vì ơ tiếng Pháp đọc là ơ, nên mượn để dùng.

Æ thay á, vì á lúc là ơ có dấu sắc, hai âm gần nhau, hơn nữa trong Trung, và Nam, viết ơ thay á, như nhân-loại viết nhơn-loại, chân-lý viết chơn-lý v.v..., nên cũng lấy chữ e thêm vào chữ á để làm thành æ, cũng như e thêm vào o để làm thành ơ.

AQ: thay ă.

EQ: thay ê.

OQ: thay ô.

UQ: thay u.

Dùng aq, eq, oq, uq, thay ă, ê, ô, u, vì:

1) Đọc nhanh những chữ a ghép với q, e ghép với q, o ghép với q, u ghép với q, phát ra những âm gợi ý những chữ ă, ê, ô, u.

2) Trong Việt-ngữ hiện nay không tiếng nào có chữ q ở giữa hay sau cùng, còn trong bản - mẫu - âm, mới không có chữ q đứng riêng một mình, nên không thể lẫn với các chữ khác.

Có người bàn nên dùng aa, ee, oo, uu, để thay ă, ê, ô, u. Nhưng oo còn dùng để viết những chữ như loong-toong, kính-coong. Hơn nữa, khi viết, in, đánh máy hay đánh điện-tín, dễ bỏ sót một mẫu-âm; trong một chữ có nhiều mẫu-âm đứng liền nhau, trông mất mỹ-thuật. Ví dụ: zouoong (dương).

Bỏ gạch nối liền giữa hai chữ để tiện viết, in, đánh máy hay đánh điện-tín, trông mỹ-thuật hơn, và giúp đỡ những người kém quốc-văn, mau quen với những tiếng kép.

× ×
×

TIẾNG VIỆT-NAM TIÊU-CHUẨN

Tiếng Việt-nam tuy là thứ tiếng chung cho Trung, Nam, Bắc bộ, nhưng cách phát-âm chưa thống - nhất và chưa có một tiếng tiêu-chuẩn để phổ-thông khắp nơi. Tuy cách phát-âm trong một thời-gian ngắn chưa thể thống - nhất được, nhưng khi viết cần phải có ngay một tiếng tiêu-chuẩn để theo. Ngày-nào chưa có tiếng Việt-nam tiêu - chuẩn cho cả ba kỳ, ngày ấy còn nhiều sự hiểu lầm lẫn nhau, và nhân đó gây ra nhiều việc rắc-rối.

Muốn thành-lập tiếng Việt - nam tiêu-chuẩn, cần phải thu - gộp hết những tiếng hợp-lý của mỗi bộ. Không có xứ nào nói đúng hoán-toàn cả, chúng ta phải biết dẹp lòng tự-ái sai-lầm lại và biết phục-thiện.

Những tiếng có dấu ngã, dấu hỏi, như ngã, ngả; đằng sau có g hay không g, như hang, han; đằng sau có h như tanh, đinh;

đằng sau có c, t, như bác, bát, phải theo cách phát-âm của người Bắc, vì theo cách phát-âm của người Trung và người Nam, thì ngừ và ngả sẽ viết như nhau; hang và han sẽ viết như nhau; tanh sẽ viết thành tăn; đinh sẽ viết thành đưn; bác và bát sẽ viết như nhau.

Những tiếng có ch và tr như cha và tra; x và s như sao và xao; d và r như da và ra, phải phát-âm theo người Trung, vì theo cách phát-âm của người Bắc và người Nam thì cha và tra sẽ viết như nhau, xao và sao sẽ viết như nhau; da và ra sẽ viết như nhau.

Còn những tiếng địa-phương, tiếng nào xét ra hợp-lý hơn thì nên dùng làm tiếng tiêu-chuẩn Ví-dụ : một hào (mười xu) người Trung gọi là một giắc, người Nam gọi là một cắc, ta nên dùng chữ hào, vì chữ hào do chữ nho mà ra, và trong Trung Nam có nhiều người biết chữ nho nên chữ ấy dễ phổ-thông hơn.

Những chữ ông, bà, anh, chị, cô, thầy, trong ngoài, đằng, nên thay những chữ ông ấy (ông đó) bà ấy (bà đó), anh ấy (anh đó), chị ấy (chị đó), cô ấy (cô đó), thầy ấy (thầy đó), trong ấy (trong đó), ngoài ấy (ngoài đó), đằng ấy (đằng đó), vì trong một câu văn mà có nhiều chữ ấy, đó, thì mất hay.

Những tiếng nào có giá-trị tương-đương như vừng, mè, thì nên dùng thay-đổi luôn cho quen.

Về những danh-từ khoa-học, cần phải thêm vào văn Việt-ngữ những văn như bl, cl, fl, gl, pl, sl, br, cr, dr, fr, gr, pr, sr, tr, vr, để tiện việc đặt danh-từ mới.

Muốn thực-hiện và phổ-thông tiếng Việt-hàm tiêu-chuẩn, cần phải có một nhóm các nhà khảo-cứu Việt-ngữ để thảo-luận rồi đem ra trưng-cầu ý-kiến các học-giả toàn-quốc. Sau khi đình-chánh, sẽ xuất-bản một quyển tự-điển tiếng Việt-nam Tiêu-chuẩn để làm kim-chỉ-nam cho đồng-bào và những học giả ngoại-quốc muốn khảo-cứu tiếng nước nhà, và tổ-chức một ban tuyên-truyền theo khoa-học.

× ×
×

BAIB TÆPJ DOCJ

1. CAIS COB, CAIS VACJ, CAIS NOQNG.

Cais cob, cais vacj, cais noqng.
Sao mayb zæmw luas nhab oqng lœjw cob?
Koqng, koqng, toqi dugngs treqn bæb,
Mej con cais vacj doqf ngæb cho toqi;
Koqng tin thib oqng di doqi,
Mej con nhab nos conb ngoqib œf cia.

2. HOA SEN

Trong dæmb zib depj baqngb sen!
Las xanh boqng traqngs lai j chen nhij vangb
Nhij vangb boqng traqngs, las xanh,
Gæab bunb mab chaqngf hoqitanh muib bunb.

3. LINHS THUS DCEIB XUQA.

Ba naqm trəns thuf luqu doqnb,
Ngayb thib canb dieqms, toqis zoqnb vieqej
coan.

Chəms tre daqnw goqw treqn nganb;
Huquw thəa huquw koqf fanbnanb cungbai;
Mieqngj aqn maqng trucs, maqng mēi;
Nhuqngw zang cungb nuqas ləys ai banj cungb;
Nuəcs zieqngs trong con cas nəs vəyw vungb.

4. COQNG CHA NGIAW MEJ

Coqng cha nhuq nujs Thaisəen,
Ngiaw mej nhuq nuəcs trong ngucqnb chayf
ra.

Moqtj longb thəeb mej cinhs cha.
Cho tronb chuqwb hieqns nəs lab daoj con.

5. CHONJ BANJ MAB CHCEI

Thois thuəngb gənb muqej thib den;
Anb em banjhuquw faif neqn chonj nguəib.
Nhuqngw nguəib lequloqngf chəi ləib.
Cungb lab luəib hieqngs ta thəib tranhs xa.

6. MOQTJ NAQM

Thangs zieqng lab thangs aqn cləi;
Thangs bai cəbbacj; thangs ba həcijheb;
Thangs luq dong dəuj nəus cheb;
Aqn Tegts Doannguw trəf veqb thangs naqm;
Thangs saus buqnb nħanw bəns trəqm;
Thangs bayf hoqm raqmb xas toqij vonghəen;
Thangs tams chəi denb cəscuən;
Trəf veqb thangs chins chung chənb buqnb-
hoqngb;
Thangs muəib buqnb bəcs bəns həcng;
Trəf veqb moqtj chapj neqn coqng hoanb
thanbb

7. Nī əp bəis hocj bəis tri lis;
Əus bəis hocj-laow bəb vi?

Aj cəi ngəmw lai mab coi,
Ləys choqngb hay chuqwb nhuq soi guəng
vangb

Chaqngf tham ruqngf cəf əo lieqnb,
Tham veqb cəis bəts cəis ngieqn arh dəqb.

8. LAMB NGUƏIB FAIF HOCJ

Ngocj cia chaqngf ruaw chaqngf maib,
Cungw thanbb voqzungj cungw hoanb ngocj
di.

Con nguœib ta ros kacs zib,
 Hocjhanhb cuyszas, ngusi huq dœib.
 Nhuqngw anh zoqts daqej thoqi thœib
 Ai conb muachuoqej dons mœi lamb chi.

9. CIM VÆN CIEQUB.

Traqm naqm trong coiw nguœib ta,
 ChuqW taib, chuqW meqnhj keos lab coetj nhau.
 Traif coa moqtj cuoqej beqf zœn,
 Nhuqngw dequb troqng thœys mab daudœns
 longb.

Laj zib bif saqcs tuq fong.
 Trœibxanh coen thois mas hoqngb danhs gen.
 Caoftbœm lænb zœf truœcs denb,
 Fongtinbb coqflucj conb truyeqn b suqf xanh.
 Raqngb troag zatinbw triequb Minh.
 Boqns fœng saqngflaqngj, hai cinb vuqngw-
 vangb.

Cos nhab Vieqnggoaij hoj Vuœng.
 Zatuq ngiw cungw thucœngbthucœngb bæcj trung.
 Moqtj trai con thuqs roqts longb,
 Vuœngcoan lab chuW, noqis zongb nhoza.
 Dœab longb hai af Toqsnga.
 Thuysciequb lab chij, em lab Thuysvæn.
 Mai coqtscachs, tuyeqts tinhtlœab.
 Moqiw nguœib moqtj vef, muœib fæn venj
 muœib.

Væn xem trangtrongj kacs vœib,
 Kuoqn traq ngdaybadqej, nœtsngailnœfnang;
 Hoa cuœib ngoej thoqts doantrang,
 Mœy thua nuœcs tocs tuyeqts nhœngb nœub
 za.

Ciequb cangb saqcsxaof maqnmab.
 So beqb taibsaqcs lai lab fœnb hœn;
 Lanb thu thuyf, nœts xuæn sœn.
 Hoa gen thua thaqms liequW hœab cœms xanh.
 Moqtj hai ngieqng nuœcs ngieqng thanhb,
 Saqcs danhb doib moqtj, taib danhb hoaj bai,

10 CHINH FUJ NGÆM

Thrœf tœib dœts noqif cœn zosbuij;
 Kachs mas hoqngb nhiequb neqW truæn-
 trieqn;

Xanh cia thaqmthaqaf tuqngb treqn,
 Vib ai gœyzuqngj cho neqn noqiw nayb.
 Troqngs trangbthanhb lunglay longb nguyeqtj,
 Kois Camtoanb mœebinitj thuqcs mœy,
 Chins lænb guœm baustao tay.
 Nuqaf deqm truyeqn b hiej dinhj ngayb xuœts-
 chinh

Nuœcs thanhbbinhb ba traqm naqm cuw.
 Aos nhung trao coan vuw tuqb dœy.
 Seqs trœib sœms zucj ducœngb mœy,
 Feps coqng lab trongj nieqmb tœy xas naob,

Dæwz zongroqif lɪqɪg deɪ cɪnɪtɪeq ɪ
Bɪoqif tɪeq ɪw dɑqɪ longb bæɪj theqnoa;
Bongs cæb tɪeqngs troqngs xa xa,
Sæub leqɪn ngonj aɪf, oans rɑ cuqaf songb.
Changb tuoqif tref voqns zongb haobcieqɪ;
Xeps butsnɪgieqɪ theo vieqɪ dɑo cung.
Thanhb lieqɪnb mong tɪeqns beqɪ roqngb,
Thuæcs guæm dɑw cuyeqts chæqngɪ zong
zɑqɪ træib.

Chis lamb trai zɑqmɪ ngɪnb zɑ nguqɑj,
Zeo Thaissœa nheɪ tɪɪɑj hoqngb mɑo.
Zaw nbab deo buqcs chieqns bæob;
Thets roi cæub Vɪj aobɑob zos tɪu
Ngoib dæub cæub nuæcs trong nhurɪ loeɪ.
Duængb beqɪ cæub cɔf mœj cɔnb non.
Duqɑ changb longb zɑqɪzɑqɪ buoqnb,
Boq koqɪ bæqng bnguqɑj. thuyf koqɪ bæqngb
thuyeqnb.

×

×

×

VÆNB
VIEQTJNGUQW
CAIFCACHS

23 CHUQW CAIS

A	B	C	D	E	F	G	
<i>a</i>	<i>b</i>	<i>c</i>	<i>d</i>	<i>e</i>	<i>ph</i>	<i>g</i>	
H	I	K	L	M	N	O	P
<i>h</i>	<i>i</i>	<i>kh</i>	<i>l</i>	<i>m</i>	<i>n</i>	<i>o</i>	<i>p</i>
R	S	T	U	V	X	Y	Z
<i>r</i>	<i>s</i>	<i>t</i>	<i>u</i>	<i>v</i>	<i>x</i>	<i>i dai</i>	<i>d</i>

12 CHUQW MÆUWÆM

a	aq	æ	e	eq	i
<i>a</i>	<i>ā</i>	<i>á</i>	<i>e</i>	<i>ē</i>	<i>í</i>
y	o	oq	œ	u	uq
<i>i dai</i>	<i>o</i>	<i>ó</i>	<i>œ</i>	<i>u</i>	<i>u</i>

VÆNB BAQNGB

Ba baq bæ be beq bi
bo boq bæ bu buq

Ca caq cæ ce ceq ci
co coq cœ cu cuq

CHa chaq chæ che
cheq chi cho choq chœ
chu chuq

Da daq dæ de deq di
do doq dœ du duq

Ea faq fæ fe feq fi
fo foq fœ fu fuq

Ga gaq gæ ge geq gi
go goq gœ gu guq

Ha haq hæ he heq
hi ho hoq hœ hu huq

Ka kaq kæ ke keq ki
ko koq kœ ku kuq

La laq læ le leg li
lo loq lœ lu luq

Ma maq mæ me meq
ni mo moq mœ mu muq

Na naq næ ne neq ni
no noq nœ nu nuq

Nga ngaq ngæ nge
ngeq ngi ngo ngoq ngœ
ngu nguq

NHa nhaq nhæ nhe
nheq nhi nho nhoq nhœ
nhu nhuq

Ra raq ræ re req ri
ro roq rœ ru ruq

O OQ Œ

Oa oac oaqc oach oai oam
oqm oan oaqn oang
oang oanh oap oaqp oat
oqt oay oc oqc œc ooc
oqoc oe oec oem oen
oeng oep oet oi oqi œi om
oqm œm on oqn œn ong
oqng œng oong oqoqng
op oqp œp ot oqt œt

U UQ

Ua uqa uœn uœng uœt
uœy uc uqc ueq ueqc
ueqn ueqnh ueqt ui uqi
um uqm un uqn ung uqng
uœ uoqc uœc uoqi uœi

uoqm uœm uoqn uœn
uoqng uœng uœp uoqt
uœt uœu up ut uqt uqu
uy uya uyc uyeqc uyeqn
ueqnh uynh uyt.

NAQM ZÆUS

This Zuj :

S	dấu sắc	Bas
J	dấu nặng	Baj
F	dấu hỏi	Baf
W	dấu ngã	Baw
B	dấu huyền	Bab

Năm dấu này bao giờ cũng viết
hiền sáu chữ chính.